TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 28 – 3 – 2024
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Ngân;**
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông **Võ Thời**
2/ Ông **Lê Đức Lam.**

Thư ký phiên tòa: ông **Vũ Minh Tiến**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST – DS ngày 29 tháng 12 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số 05/2024/TB – TA ngày 11 thàng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm: 1969;

Hiện cư trú tại: số A đường B, tổ dân phố N, thị trấn T, huyện Đ, Lâm Đồng.

***Bị đơn*:** ông **Lưu Đình T1**, sinh năm: 1960;

Hiện cư trú tại: số E đường L, tổ dân phố M' Lọn, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà T có mặt, ông T1 vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 yêu thương và tự nguyện kết hôn chung sống cùng nhau từ năm 1991. Hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T vào ngày 20/8/1991. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận, hạnh phúc. Từ khoảng 2009 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất hòa, cãi nhau thường xuyên. Nguyên nhân do

hai bên nảy sinh quá nhiều khác biệt, bất đồng về tính cách, quan điểm sống không hòa hợp. Ông T1 không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của bà, thường xuyên xúc phạm đến tín ngưỡng tôn giáo của bà. Ngoài ra, ông T1 không quan tâm chăm sóc đến các con, mọi việc học hành của các con do bà đảm nhận. Vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, không còn sự chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều năm. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm gia đình và năm 2011 bà có sinh thêm 01 bé trai, tuy nhiên bà vẫn không về sống chung với ông T1 mà chỉ thỉnh thoảng về thăm nhà để nhang khói thắp hương cho ông bà. Bản thân bà cố gắng để hàn gắn níu kéo gia đình bằng việc năm 2019 vợ chồng xây nhà, bà có sống tại nhà một thời gian 02 năm để chăm sóc gia đình và cố gắng hết sức có thể để cảm hóa ông T1 để vợ chồng chung sống vì con nhưng ông T1 không thay đổi. Mọi việc trong gia đình đều do ông tự quyết định, ý kiến của bà không được tôn trọng. Ngoài ra trong thời gian về chung sống, ông T1 thường xuyên xúc phạm đến tín ngưỡng tôn giáo của bà, không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của nhau. Sau khi sinh cháu Lưu Đình Bá T2 (năm 2011), tuy bà có sống chung với ông T1 một thời gian nhưng vợ chồng sống ly thân, không sinh hoạt vợ chồng với nhau. Và từ năm 2022, bà và con về nhà mẹ đẻ sống cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà xin được ly hôn ông Lưu Đình T1.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 có 03 con chung tên: Lưu Thị Thùy T3, sinh ngày 05/5/1992 hiện đã có công việc ổn định; Lưu Đình Bá H, sinh ngày 27/3/1994 hiện đã có công việc ổn định và cháu Lưu Đình Bá T2, sinh ngày 11/12/2011 hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu ly hôn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Đình Bá H và không yêu cầu ông Lưu Đình T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Các cháu Lưu Thị Thùy T3 và cháu Lưu Đình Bá H đã đủ tuổi trưởng thành, có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Quá trình làm việc bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình điều tra, bị đơn ông Lưu Đình T1 trình bày tại bản tự khai ngày 29/8/2023: Ông xác nhận có quan hệ hôn nhân với bà T. Vợ chồng có 03 người con chung như bà T trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống, bản thân ông không rượu chè, cờ bạc, không bồ bịch trai gái. Bà T ăn chay trường, tối tụng kinh từ 20 giờ tối đến 23 giờ khuya, sáng tụng kinh từ 04 giờ đến 07 giờ sáng. Ông không đồng ý ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Lưu Đình T1 vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Thị Xuân T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa, ông Lưu Đình T1 vắng mặt không có lý do, bà Nguyễn Thị Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Đình T1 và giữ nguyên yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu

Lưu Đình Bá T2. Ngoài yêu cầu trên, bà Nguyễn Thị Xuân T không còn yêu cầu nào khác.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T, cho bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 được ly hôn với nhau; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T về yêu cầu nuôi con chung chưa thành niên, giao cháu Lưu Đình Bá T2 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lưu Đình T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về áp dụng pháp luật tố tụng*: Đây là vụ án *"Xin ly hôn"* giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1. Ông Lưu Đình T1 có nơi cư trú tại: số E L, tổ dân phố M, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Lưu Đình T1 vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định tại các Điều 175, 177 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015. Vì vậy, theo quy định tại các Điều 227, 228, 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án và giành quyền kháng cáo vắng mặt cho ông Lưu Đình T1 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- ***Về quan hệ hôn nhân*:** Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 là hợp pháp. Hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện yêu thương, tự nguyện kết hôn chung sống với nhau vào năm 1991. Hai bên có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên nảy sinh quá nhiều khác biệt, bất đồng về tính cách, quan điểm sống không hòa hợp. Ông T1 không tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của bà T, thường xuyên xúc phạm đến tín ngưỡng tôn giáo của bà. Ngoài ra, ông T1 không quan tâm chăm sóc đến các con, mọi việc học hành của các con do bà T đảm nhận. Vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, không còn sự chăm sóc lẫn nhau. Trong thời gian ly thân, vợ chồng cũng đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn tình cảm gia đình, bà T cũng cố gắng để hàn gắn níu kéo gia đình bằng việc năm 2019 vợ chồng xây nhà, bà T có sống tại nhà một thời gian 02 năm để chăm sóc gia

đình và cố gắng hết sức có thể để cảm hóa ông T1 để vợ chồng chung sống vì con nhưng ông T1 không thay đổi. Mọi việc trong gia đình đều do ông tự quyết định, ý kiến của bà T không được tôn trọng. Qua xác minh tại địa phương cho biết bà T và ông T1 mâu thuẫn đã lâu, hiện nay đã không còn chung sống với nhau. Ông T1 sinh sống tại nhà chung của vợ chồng, còn bà T về nhà mẹ đẻ sinh sống cùng con trai là cháu Lưu Đình Bá T2. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 chỉ tồn tại trên mặt pháp lý, thực tế hai bên đã có mâu thuẫn, quá trình hòa giải và tại phiên tòa ông Lưu Đình T1 vắng mặt thể hiện ông không có thiện chí hàn gắn níu kéo tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu có níu kéo cho hai bên về chung sống cũng không mang lại hạnh phúc. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân T, cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Lưu Đình T1 là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- ***Về con chung:*** Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Xuân T thấy rằng: Trong thời gian chung sống bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 có 03 con chung tên: Lưu Thị Thùy T3, sinh ngày 05/5/1992; Lưu Đình Bá H, sinh ngày 27/3/1994 hiện 02 cháu đã có công việc ổn định; cháu Lưu Đình Bá T2, sinh ngày 11/12/2011 hiện do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của cháu T2 cũng mong muốn được ở với mẹ. Để cháu T2 được chăm sóc tốt, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu, cần giao cháu Lưu Đình Bá T2 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu ông Lưu Đình T1 cấp dưỡng nuôi cháu T2 nên không xem xét đến.

Quá trình làm việc, ông Lưu Đình T1 vắng mặt không thể hiện ý kiến yêu cầu nuôi dưỡng con chung hoặc phản đối việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Xuân T nên không xem xét đến. Nếu sau nay có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- ***Về tài sản chung và nợ chung***: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu tòa án giải quyết, vì vậy không xem xét đến. Ông Lưu Đình T1 vắng mặt, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- ***Về án phí:*** bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 3 Điều 36; Khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lưu Đình T1 ly hôn. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01/1991 tại UBND thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu Đình Bá T2, sinh ngày: 11/12/2011 cho bà Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Lưu Đình T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. ***Về án phí***: bà Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng do bà Nguyễn Thị Xuân T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0013817 ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án (hoặc niêm yết) để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn Thạnh Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Kim Ngân

***Nơi nhận*:**
- Tòa án tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Đơn Dương;
- THA dân sự huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn Thạnh Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Ngân